TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/6/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Hoàng Văn Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1999.

Địa chỉ: Đội 9, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q** – Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt không có lý do (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhau, anh chị đăng ký kết hôn ngày 09/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn T xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội (thời gian này vợ chồng anh chị ở nhà thuê và không đăng ký thường trú, tạm trú). Quá trình chung sống cùng nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 4/2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống và kinh tế trong gia đình. Anh Q không lo làm ăn, mà sa đà vào việc chơi bời, cá độ. Từ tháng 5/2020, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị T ở tại đội 9, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội sinh sống; còn anh Q thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ của anh Q ở thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị T, anh Q đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Q, vợ chồng không thể quay về chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh Q không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn Q nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và người thân trong gia đình anh Q. Qua xác minh cho thấy, anh Nguyễn Văn Q là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Mâu thuẫn gia đình chị T và anh Q là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế trong gia đình; vợ chồng chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện nay anh Q đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành mở phiên hòa giải vì anh Q vắng mặt (Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q ly hôn.

3. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

4. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế trong gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng ly thân với nhau đã lâu nhưng chị T và anh Q cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh Q không có con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002691 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí*).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện S;*
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Chi cục THADS huyện S;*
- *Ủy ban nhân dân xã V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường